

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân quận HBT, thành phố HN; trụ sở: Số 30 Lê Đại Hành, quận HBT, thành phố HN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận HBT; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị G, sinh năm 1943;

3. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1948;

Cùng trú tại: Số 119 BT, quận HBT, Hà Nội; đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà G, ông P: Bà Phạm Kim H, sinh năm 1972; trú tại: Số 119 BT, quận HBT, Hà Nội; có mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2015, ngày 13/01/2016 và các bản khai tiếp theo tại Toà án, người khởi kiện là Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L trình bày:

Cụ Đặng Văn M có vợ là Lê Thị S sinh được một người con tên Đặng Văn B là bố đẻ ông, bà. Khi cụ S chết, cụ M lấy thêm hai vợ nữa là Triệu Thị X và Triệu Thị D (cụ X và cụ D là 2 chị em). Cụ M và cụ D sinh được hai người con là Đặng Thị G và Đặng Văn P.

Năm 1949, cụ M cùng gia đình thuê của bà Nguyễn Thị T3 diện tích đất thuộc thửa số 227, tờ bản đồ khu chữ S mang Bằng khoán điền thổ số 423 khu Viện Mất nay là số 119 BT, quận HBT, Hà Nội. Sau đó, cụ M có xây một căn nhà diện tích 50m² và sân 15m² trên diện tích đất đã thuê.

Năm 1960 cụ M chết không để lại di chúc. Năm 1962, cụ X đưa mẹ con cụ D là em gái đến ở cùng tại 119 BT. Ngày 21/6/1962, cụ T3 có đơn giao lại đất và tài sản trên đất cho nhà nước quản lý, còn căn nhà và bất động sản khác do cụ M xây dựng vẫn do vợ con cụ M sử dụng. Vì nhà và sân vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình cụ M nên khi cụ X có đơn xin sử dụng ngày 04/11/1963, Sở quản lý nhà đất Hà Nội đã đồng ý cho cụ X tiếp tục sử dụng nhà đất này. Ngày 11/5/1983, cụ X và cụ D tự ý lập di chúc cho bà Đặng Thị G thừa hưởng toàn bộ số tài sản của cụ M và cụ S để lại là nhà đất tại 119 BT. Tháng 9/2013, bà G tự ý kê khai làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN) trong khi chưa có sự thoả thuận của các đồng thừa kế của cụ M và cụ S. Ngày 23/9/2013, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường ND đã đăng thông báo về việc bà G đang làm thủ tục cấp GCN đối với nhà đất 119 BT trên báo Hà Nội mới. Không đồng ý với việc này, ông T bà L đã gửi đơn khiếu nại đề nghị các cơ quan có thẩm quyền dừng ngay việc cấp giấy chứng nhận (viết tắt GCN) nhà đất cho bà Đặng Thị G.

Ngày 26/8/2014, UBND quận HBT có văn bản số 819 nội dung nêu bà G đủ điều kiện để được cấp GCN đối với tài sản này của cụ M. Ông T bà L tiếp tục khiếu nại, ngày 30/12/2014 UBND quận HBT có Quyết định giải quyết khiếu nại số 4575 với nội dung: Hủy bỏ thông báo số 819, tạm dừng việc xét cấp GCN cho bà G. Tuy nhiên, ngày 08/10/2015 Thanh tra TP Hà Nội có báo cáo số 2367 gửi UBND TP Hà Nội với nội dung kiến nghị là: giữ nguyên văn bản số 819 nêu trên, tiếp tục thực hiện quy trình cấp GCN cho bà G và đã được UBND TP Hà Nội chấp nhận. Ngày 13/11/2015, UBND TP Hà Nội ban hành văn bản số 8097, nội dung đồng ý với kiến nghị trong báo cáo số 2367 của Thanh tra TP Hà Nội và giao UBND quận HBT thực hiện theo nội dung kiến nghị của Thanh tra thành phố.

Văn bản số 8097 của UBND TP Hà Nội còn vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Khiếu nại bởi theo quy định thì người giải quyết khiếu nại lần hai phải ra quyết định giải quyết khiếu nại nhưng văn bản 8097 không phải là quyết định giải quyết khiếu nại. Văn bản 8097 không có nội dung giải quyết khiếu nại mà chỉ nêu đồng ý với kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố tại Báo cáo 2367 nhưng Báo lại có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp với sự thật khách quan, không xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại 119 BT. UBND TP Hà Nội không xác định ông M để lại tài sản là nhà 119 BT nhưng lại công nhận bản di chúc của bà X và bà D lập năm 1983 là có sự mâu thuẫn trong khi bà X, bà D cũng đã thừa nhận trong di chúc nhà là của ông M để lại và các bà chỉ định đoạt phần tài sản là ngôi nhà còn đối với diện tích đất thì không hề nhắc đến. Do đó, đối với phần tài sản chưa nêu trong di chúc phải được chia theo pháp luật cho cả con chung và con riêng của ông M gồm ông Bắc, bà G và ông P.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận: Quá trình bà G làm thủ tục cấp GCN, các ông bà T, L, Bình (là con của ông Bắc) đã có đơn kiến nghị dừng cấp với L do nhà đất đang có tranh chấp nhưng UBND phường ND đã không tiến hành hòa giải mà lại ra thông báo số 10 ngày 13/01/2014 để giải quyết tranh chấp là vi phạm Điều 136 Luật Đất đai 2003 và Điều 160 Nghị định 181 của Chính phủ. Văn bản số 8097 ngày 13/11/2015 của UBND TP Hà Nội có nội dung đồng ý với báo cáo 2367 ngày 08/10/2015 của Thanh tra TP Hà Nội đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà là những người được thừa kế di sản của cụ M nên ông T, bà L làm đơn khởi kiện tại Toà án, yêu cầu hủy văn bản 8097 của UBND TP Hà Nội và Báo cáo kết quả xác minh số 2367 của Thanh tra TP Hà Nội.

Người bị kiện là UBND thành phố HN do Ông Nguyễn Quốc H đại diện trình bày:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà đất 119 BT, Hà Nội diễn biến như sau: Nhà 119 BT mang Bằng khoán điền thổ số 423 khu Viện Mắt có diện tích 95m² nguyên đứng tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị T3. Thời điểm trước tháng 6/1963, toàn bộ diện tích nhà đất này thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T3. Ông Đặng Văn M ở thuê nhà của BT và đã đăng ký hộ khẩu tại 119 BT từ năm 1949. Con gái ông M là Đặng Thị G về ở cùng ông M và đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ này từ năm 1955. Năm 1960 ông M chết. Năm 1962, hai bà vợ ông M là Triệu Thị X và Triệu Thị D cùng con trai ông M là Đặng Văn P chuyển đến tiếp tục ở thuê và sản xuất.

Tháng 6/1963, BT có đơn giao đất và những bất động sản trên đất của bà cho Ủy ban hành chính khu Hai Bà quản lý trong đó có diện tích nhà đất đang cho bà X thuê. Sau khi BT giao nhà đất này cho nhà nước quản lý thì bà X làm đơn xin sử dụng và được Nhà nước xác nhận đồng ý vào tháng 11/1963 và cũng trong năm 1963 bà X đã sửa chữa, cải tạo lại nhà theo Giấy phép của Viện Thiết kế quy hoạch thành phố HN. Năm 1983 bà X, bà D lập di chúc cho con gái là bà Đặng Thị G được toàn quyền sử dụng nhà 119 BT, di chúc có xác nhận của UBND phường ND. Tại thời điểm bà X được nhà nước cho sử dụng nhà 119 BT (năm 1963) có 04 nhân khẩu đăng ký thường trú gồm: Triệu Thị X (là chủ hộ), Triệu Thị D, Đặng Thị G và Đặng Văn P. Hiện nay, có 02 hộ đăng ký Hộ khẩu thường trú gồm hộ bà Đặng Thị G và hộ ông Đặng Văn P. Bà G, ông P đã nộp thuế nhà đất từ năm 1992 đến hết năm 2014.

Như vậy, từ tháng 11/1963 BT Thị X đã được Nhà nước cho dụng 95m² đất và nhà tại 119 BT nên nhà đất này thuộc quyền sử dụng pháp của bà X. Khi bà X, bà D chết, nhà đất này vẫn do bà G và ông P sử dụng liên tục từ trước năm 1963 đến nay. Năm 2013 ông P đã nhường cho bà G toàn quyền sở hữu nhà đất này. Trong quá trình bà X, bà D, bà G, ông P sử dụng từ năm 1963 đến năm 2013 các con cháu ông M là ông T, bà L không có ý kiến gì. Năm 2013 bà G đề nghị UBND quận HBT cấp GCN thì ông T, bà L có đơn khiếu nại đòi quyền sử dụng đất tại 119 BT là không có cơ sở vì trước năm 1963 ông M và bà X ở thuê nhà này của BT, tháng 6/1963 BT giao toàn bộ nhà đất cho nhà nước quản lý. Ông M chết trước thời điểm BT giao nhà cho Nhà nước quản lý nên nhà đất tại 119 BT không phải là di sản của ông M để lại. Vì vậy, Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L khiếu kiện đề nghị hủy văn bản số 8097 ngày 13/11/2015 của UBND TP Hà Nội và báo cáo xác minh của Thanh tra TP là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- UBND quận HBT do ông Nguyễn Mạnh Q đại diện trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Trước năm 1963, nhà đất tại 119 BT thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T3, ông Đặng Văn M và hai BT Thị X, Triệu Thị D sử dụng do thuê của BT. Năm 1960 ông M chết, bà X, bà D, bà G và ông P là vợ và các con ông M tiếp tục sử dụng. Trong thời kỳ cải tạo nhà cửa, ngày 21/6/1963 BT đã có đơn gửi Ủy ban hành chính khu HBT giao cho nhà nước quản lý 03 ngôi nhà do bà sở hữu gồm nhà 117, 119 và 123 BT. Trong đơn, BT cũng đã kê khai nhà 119 BT đang cho bà X thuê để ở và sản xuất.

Năm 1963, bà X có giấy xin sử dụng đất và đã được Sở Quản lý nhà đất đồng ý. Tháng 4/1963, Viện Thiết kế quy hoạch thành phố đã cấp giấy phép cho bà X cải tạo, sửa chữa lại nhà 119 BT. Năm 1983, bà X và bà D có di chúc cho bà Đặng Thị G được thừa kế ngôi nhà này, di chúc có xác nhận của UBND phường ND. Năm 1985 bà D chết, năm 1996 bà X chết, bà G ông P tiếp tục sử dụng đến nay và là người đóng thuế đất hàng năm. Năm 2013, ông P có đơn khước từ quyền sở hữu nhà 119 BT và đồng ý cho bà Đặng Thị G sử dụng toàn bộ, UBND phường ND đã phối hợp với công ty đo đạc Hà Nội và tổ dân phố kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất, kết quả kiểm tra diện tích nhà đất 119 BT là 96,2m².

Ngày 10/9/2013, UBND phường ND đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất 119 BT của bà Đặng Thị G, sau đó trình UBND quận HBT xem xét thì UBND quận nhận được đơn kiến nghị của Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L đề nghị tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận với lý do nhà đất đang có tranh chấp liên quan đến thừa kế. UBND quận đã ban hành văn bản số 819 ngày 26/8/2014 v/v trả lời đơn của ông T, bà L là không có cơ sở. Không đồng ý với văn bản 819, ông T, bà L tiếp tục khiếu nại. Ngày 30/12/2014, UBND quận có quyết định số 4575 có nội dung hủy bỏ văn bản số 819, trả hồ sơ cho UBND phường do chưa đủ điều kiện cấp GCN cho bà G vì nhà đất đang có tranh chấp chưa được giải quyết. Không đồng ý với Quyết định 4575 bà G khiếu nại lên UBND TP Hà Nội. UBND TP Hà Nội giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh, kết luận đơn khiếu nại của bà G. Ngày 08/10/2015, Thanh tra thành phố HN có báo cáo số 2367 với nội dung kiến nghị: Điều chỉnh lại Quyết định 4575 ngày 30/12/2014 của UBND quận HBT theo hướng giữ nguyên nội dung văn bản số 819 và tiếp tục thực hiện quy trình xét cấp Giấy chứng nhận cho bà Đặng Thị G tại 119 BT. Trên cơ sở kết luận của Thanh tra TP Hà Nội, ngày 13/11/2015 UBND TP Hà Nội ra văn bản số 8097 có nội dung: Đồng ý với kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 2367 và giao UBND quận HBT thực hiện theo nội dung kiến nghị của Thanh tra thành phố.

Quan điểm của UBND quận HBT: Giải quyết khiếu nại của ông T bà L, UBND quận HBT ban hành quyết định 4575 ngày 30/12/2014 với nội dung hủy văn bản số 819, tạm dừng chưa cấp GCN cho bà G là để UBND phường ND hoàn thiện hồ sơ theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Khi UBND TP Hà Nội có văn bản chỉ đạo số 8097 thì UBND quận HBT chấp hành, về yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị G và ông Đặng Văn P do bà Phạm Kim H đại diện trình bày:

Ông Đặng Văn M có hai vợ là Triệu Thị X và Triệu Thị D (bà X và bà D là hai chị em ruột). Bà Đặng Thị G và ông Đặng Văn P là con của ông M và bà D. Do bà X không có con nên ông M và bà X, bà D thống nhất làm giấy khai sinh cho bà G, ông P ghi tên mẹ đẻ là Triệu Thị X. Năm 1949, ông Đặng Văn M đưa con gái Đặng Thị G từ quê lên Hà Nội thuê nhà 119 BT của bà Nguyễn Thị T3 để ở. Khi đó trên đất chỉ có căn nhà tạm, cột kèo bằng tre gỗ. Sau đó ông M đón bà X, bà D và con trai là Đặng Văn P lên ở cùng. Năm 1960 ông M chết, bà X, bà D, bà G và ông P vẫn tiếp tục ở nhà 119 BT. Năm 1963, BT đã giao nhà đất này cho Nhà nước quản lý. Sau khi BT giao nhà cho nhà nước quản lý, bà X đã làm đơn xin nhà nước cho sử dụng nhà 119 BT và đã được Sở quản lý nhà đất Hà Nội đã chấp thuận và đồng ý cấp giấy phép xây dựng số 136 cho bà X xây dựng, cải tạo lại nhà 119 BT vào tháng 4/1963.

Ngày 15/5/1983, bà X và bà D lập di chúc cho bà Đặng Thị G được toàn quyền sử dụng nhà đất 119 BT. Năm 2013, bà G kê khai xin cấp Giấy chứng nhận, UBND phường đã công khai việc xin cấp GCN nhà đất này thì ông T, bà L làm đơn yêu cầu dừng cấp với lý do nhà 119 BT là của ông M, các ông bà là cháu nội của ông M nên phải được thừa kế. Lý do này của ông T, bà L là không đúng vì nhà đất tại 119 BT không thuộc quyền sở hữu của ông M, không phải là tài sản để chia thừa kế. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2016/HCST ngày 25, 28, 29/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố HN đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 99; điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 5 Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử, bác yêu cầu khởi kiện của Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L đề nghị hủy văn bản số 8097/UBND - TNMT ngày 13/11/2015 của UBND thành phố HN về việc chỉ đạo giải quyết đơn của bà Đặng Thị G khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại 119 BT, Hà Nội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2016, người khởi kiện là Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo đề nghị hủy quyết định hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bào chữa cho Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L và ông T, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, hủy văn bản số 8097/UBND - TNMT ngày 13/11/2015 của UBND thành phố HN về việc chỉ đạo giải quyết đơn của bà Đặng Thị G khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại 119 BT, Hà Nội.

Bà Phạm Kim H được bà Đặng Thị G, ông Đặng Văn P ủy quyền đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính hủy bản án sơ thẩm số 21/2016/HCST ngày 25, 28, 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố HN, đình chỉ giải quyết vụ án, vì Công văn số 8097/UBND - TNMT ngày 13/11/2015 của UBND thành phố HN là văn bản chỉ đạo nội bộ, không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự;

XÉT THẤY:

Cụ Đặng Văn M có vợ là Lê Thị S sinh được một người con tên Đặng Văn B là bố đẻ Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L. Khi cụ S chết, cụ M lấy thêm hai vợ nữa là Triệu Thị X và Triệu Thị D (cụ X và cụ D là 2 chị em). Cụ M và cụ D sinh được hai người con là Đặng Thị G và Đặng Văn P.

Năm 1949, cụ M cùng gia đình thuê của bà Nguyễn Thị T3 diện tích đất thuộc thửa số 227, tờ bản đồ khu chữ S mang bằng khoán điền thổ số 423 khu Viện Mất nay là số 119 BT, quận HBT, Hà Nội. Sau đó, cụ M có xây một căn nhà diện tích 50m² và sân 15m² trên diện tích đất đã thuê.

Năm 1960 cụ M chết không để lại di chúc. Năm 1962, cụ X đưa mẹ con cụ D là em gái đến ở cùng tại 119 BT.

Trong thời kỳ cải tạo nhà cửa, ngày 21/6/1963 BT đã có đơn gửi Ủy ban hành chính khu HBT giao cho nhà nước quản lý 03 ngôi nhà do bà sở hữu gồm nhà 117, 119 và 123 BT. Trong đơn, BT cũng đã kê khai nhà 119 BT đang cho bà X thuê để ở và sản xuất.

Năm 1963, bà X có giấy xin sử dụng đất và đã được Sở Quản lý nhà đất đồng ý. Tháng 4/1963, Viện Thiết kế quy hoạch thành phố đã cấp giấy phép cho bà X cải tạo, sửa chữa lại nhà 119 BT. Năm 1983, bà X và bà D có di chúc cho bà Đặng Thị G được thừa kế ngôi nhà này, di chúc có xác nhận của UBND phường ND. Năm 1985 bà D chết, năm 1996 bà X chết, bà G ông P tiếp tục sử dụng. Năm 2013, ông P có đơn khước từ quyền sở hữu nhà 119 BT và đồng ý cho bà Đặng Thị G sử dụng toàn bộ, UBND phường ND đã phối hợp với công ty đo đạc Hà Nội và tổ dân phố kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất, kết quả kiểm tra diện tích nhà đất 119 BT là 96,2m².

Ngày 10/9/2013, UBND phường ND đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với nhà đất 119 BT của bà Đặng Thị G, sau đó trình UBND quận HBT xem xét thì UBND quận nhận được đơn kiến nghị của Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L đề nghị tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận với lý do nhà đất đang có tranh chấp liên quan đến thừa kế. UBND quận đã ban hành văn bản số 819 ngày 26/8/2014 về việc trả lời đơn của ông T, bà L là không có cơ sở. Không đồng ý với văn bản 819, ông T, bà L tiếp tục khiếu nại. Ngày 30/12/2014, UBND quận có quyết định số 4575 có nội dung hủy bỏ văn bản số 819, trả hồ sơ cho UBND phường do chưa đủ điều kiện cấp GCN cho bà G, vì nhà đất đang có tranh chấp chưa được giải quyết. Không đồng ý với Quyết định 4575 bà G khiếu nại lên UBND thành phố HN. UBND thành phố HN giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh, kết luận đơn khiếu nại của bà G. Ngày 08/10/2015, Thanh tra thành phố HN có báo cáo số 2367 với nội dung kiến nghị: Điều chỉnh lại Quyết định 4575 ngày 30/12/2014 của UBND quận HBT theo hướng giữ nguyên nội dung văn bản số 819 và tiếp tục thực hiện quy trình xét cấp Giấy chứng nhận cho bà Đặng Thị G tại 119 BT. Trên cơ sở kết luận của Thanh tra TP Hà Nội, ngày 13/11/2015 UBND thành phố HN ban hành văn bản số 8097 có nội dung: Đồng ý với kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố tại Báo cáo số 2367 và giao UBND quận HBT thực hiện theo nội dung kiến nghị của Thanh tra thành phố.

Công văn số 8097 của Ủy ban thành phố HN giao cho UBND quận HBT thực hiện theo nội dung kiến nghị của Thanh tra thành phố. Đây là văn bản hành chính nội bộ giữa cơ quan cấp trên chỉ đạo cơ quan cấp dưới quy định

điểm c khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính, chưa có cơ sở để khẳng định UBND quận HBT thực hiện theo Công văn số 8097 của UBND thành phố HN hay không?. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định Công văn số 8097 nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L được quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện là đúng nhưng thụ lý giải quyết là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Trường hợp UBND quận HBT thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị G theo Công văn số 8097 của UBND thành phố HN, nếu Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L có đơn khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L.
2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2016/HCST ngày 25, 28, 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố HN.
3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố HN giải quyết lại theo quy định pháp luật.
4. Án phí: Ông Đặng Văn T và bà Đặng Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho mỗi người 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/09902 và AB/2014/09903 đều nộp cùng ngày 14/12/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố HN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố HN;
- VKSND thành phố HN;
- Cục THA dân sự thành phố HN;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường